

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06-7-2020

V/v tranh chấp về ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tấn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Quốc Võ

2. Bà Trần Lệ Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Lâm, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 06 tháng 7 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020 về “*Tranh chấp về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị D, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09-6-2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Ngô Thị D trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn T chung sống như vợ chồng năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, bà và ông T xảy ra nhiều mâu thuẫn từ năm 2013. Nguyên nhân là vào Tết Nguyên đán năm 2013, do trồng dưa thất nên bà D không thuê mà nhờ người thân phụ cắt dưa. Sau đó, bà có nấu lẩu mời mọi người cùng ăn. Khi bà về nhà khoảng 22 giờ thì ông T nắm đầu bà đánh và đuổi bà ra khỏi nhà. Từ đó, bà và ông T ly thân cho đến nay. Vì vậy, bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Bà và ông T có con là Nguyễn Trường Ch, sinh năm 1993 và

Nguyễn Thị Thảo N, sinh năm 2000 nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: Bà và ông T không có nợ chung.

Theo bản tự khai ngày 12-6-2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: ông và bà Ngô Thị D chung sống từ năm 1991 và không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống ông và bà Ngô Thị D có xảy ra xích mích do nhiều lý do. Vợ chồng ông không sống chung từ năm 2013 đến nay. Tại phiên họp hòa giải ông T đồng ý ly hôn theo yêu cầu bà D nhưng tại phiên tòa thì ông T có ý kiến là không đồng ý ly hôn D. Việc bà D muốn ly hôn ông thì yêu cầu Tòa án xem xét theo quy định pháp luật.

- Về con chung: ông và bà Ngô Thị D có con là Nguyễn Trường Ch, sinh năm 1993 và Nguyễn Thị Thảo N, sinh năm 2000 nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: Ông và bà Ngô Thị D không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Ngô Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn T và không có yêu cầu nào khác. Đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Về nội dung:

[3] Bà Ngô Thị D và ông Nguyễn Văn T đều trình bày thống nhất ông bà chung sống từ năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn. Đây là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”* và *“Trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật này...”*. Mặc dù ông Nguyễn Văn T có ý kiến tại phiên tòa là không đồng ý ly hôn bà D nhưng thực tế ông bà đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Trong thời gian chung sống ông bà cũng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Vì vậy,

khả năng ông bà đoàn tụ tiếp tục chung sống là khó thực hiện được. Từ sự phân tích trên, Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ để không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Ngô Thị D và ông Nguyễn Văn T.

[4] Bà Ngô Thị D và ông Nguyễn Văn T thông nhất có hai người con chung là Nguyễn Trường Ch, sinh năm 1993 và Nguyễn Thị Thảo Ng, sinh năm 2000 nhưng anh Ch và chị Ng đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết việc nuôi con chung.

[5] Tại phiên tòa, bà Ngô Thị D và ông Nguyễn Văn T đã được Hội đồng xét xử giải thích rõ về quyền được yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung (nếu có tài sản chung) nhưng bà D và ông T vẫn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung.

[6] Về nợ chung: Bà Ngô Thị D và ông Nguyễn Văn T đều khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: *“Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn...”*. Vì vậy, bà Ngô Thị D phải chịu án dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Ngô Thị D và ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Hai con chung của bà Ngô Thị D và ông Nguyễn Văn T đã thành niên nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ: bà Ngô Thị D và ông Nguyễn Văn T không yêu cầu chia tài sản chung và khai không có nợ ai nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc bà Ngô Thị D phải chịu án dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0009413 ngày 09-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã

Duyên Hải. Như vậy, bà Ngô Thị D đã nộp xong án phí. Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí.

5. Nguyên đơn bà Ngô Thị D và bị đơn ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TX. Duyên Hải;
- Chi cục THADS TX. Duyên Hải;
- Dương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án. (9 bản)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Tấn Thanh